TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 02/2021/DS-ST. Ngày: 20-01-2021 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Em.

2. Bà Nguyễn Thị Tua.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: khu vực 2, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phan Văn T (theo văn bản ủy quyền ngày 20/01/2021 số 11 quyển số 01-SCT/CK,ĐC): Ông Thái Hồng Ng, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp Th Ph, xã H L, thành phố V Th, tỉnh H G, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị V, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp 11, xã V T, huyện V T, tỉnh H G, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phan Văn T khởi kiện bà Bùi Thị V, yêu cầu bà Bùi Thị V trả tiền vay 40.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi. Do vào ngày 20/01/2020 bà V có vay của ông T 40.000.000 đồng hẹn trong 01 tháng sẽ trả, nhưng kéo dài đến nay không trả tiền vay.

Tài liệu chứng cứ ông Phan Văn T kèm theo đơn khởi kiện: Biên nhận ngày 20/01/2020.

Quá trình thu thập chứng cứ:

Bị đơn bà Bùi Thị V trình bày: Có vay tiền của ông T 15.000.000 đồng, thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã trả tiền lãi cho ông T là 19.000.000 đồng. Sự việc có tranh chấp nên công an kêu ông T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà V, khi ông T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông T ghi biên nhận nói là biên nhận nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, kêu bà V ký tên và lăn tay vào, do không biết chữ nên không có đọc lại nội dung biên nhận, nhưng do tin tưởng nên ký tên và lăn tay vào, bà V không có nhận 40.000.000 đồng của ông T. Khi trả tiền lãi 19.000.000 đồng cho ông T không có ghi biên nhận với bà V, bà Bùi Thị V không có chứng cứ chứng minh giao tiền lãi cho ông T 19.000.000 đồng và ông T kêu bà V ký nhận là biên nhận nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà V không đồng ý trả tiền vay theo yêu cầu của ông T.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn yêu cầu bà Bùi Thị V trả cho ông T là 40.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi; Bị đơn bà Bùi Thị V không đồng ý yêu cầu của ông Phan Văn T.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Thống nhất quá trình thu thập chứng cứ của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án.

Về nội dung đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Án phí dân sự sơ thẩm theo quy định nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Ông Phan Văn T khởi kiện bà Bùi Thị V yêu cầu trả tiền vay 40.000.000 đồng, nên Tòa xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng vay tài sản, đây là vụ án dân sự, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện. Địa chỉ của bị đơn bà Bùi Thị V tại ấp 11, xã V T, huyện V T, tỉnh H G, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện V T giải quyết là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật về thẩm quyền.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Ông Phan Văn T yêu cầu bà Bùi Thị V trả tiền vay 40.000.000 đồng, bà Bùi Thị V không đồng ý. Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự "đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp". Ở đây ông Phan Văn T chứng minh được bà Bùi Thị V có nợ tiền bằng biên nhận ngày 20/01/2020 tại bút lục 02. Bà Bùi Thị V thừa nhận biên nhận trên bà V có lăn tay, và ghi tên, nhưng không nhận tiền. Căn cứ theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó", bà V không xuất trình được chứng cứ chứng minh tại thời điểm ký biên nhận không nhận tiền của ông T, người đại diện của ông Phan Văn T cũng không thừa nhận trình bày của bị đơn bà V, xác định bà V có vay và nhận 40.000.000 đồng của ông T. Căn cứ vào các chứng cứ trên xác định bà Bùi Thị V có vay tiền của ông Phan Văn T. Áp dụng Điều 463, 466 buộc bà Bùi Thị V phải có trách nhiệm trả tiền cho ông Phan Văn T.

[2.2]. Ông Phan Văn T không yêu cầu tính lãi, nên không xem xét.

Từ những nhận định như đã nêu trên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn ông Phan Văn T.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: buộc đương sự nộp theo Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[4]. Về phát biểu đề nghị của kiểm sát viên tại phiên toà. Xét, phát biểu về thủ tục tố tụng và đề nghị về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, Toà chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 39, 91, 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn T.

1. Buộc bà Bùi Thị V có trách nhiệm trả cho ông Phan Văn T số tiền vay là 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Bùi Thị V chịu 2.000.000 (hai triệu) đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V T, tỉnh H G.

- Ông Phan Văn T được nhận lại 1.000.000 (một triệu) đồng tiền tạm ứng án phí nộp ngày 14 tháng 10 năm 2020 theo biên lai số 0003466 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V T, tỉnh H G.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Toà tuyên án.

5 . Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Phạm Thị Tuyết Mai